

Số: /2026/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định định mức số lượng học sinh trên lớp trong một số trường hợp đặc biệt tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2723/TTr-SGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2026 và ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 393/BC-STP ngày 25 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định định mức số lượng học sinh trên lớp trong một số trường hợp đặc biệt tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định định mức số lượng học sinh trên lớp trong một số trường hợp đặc biệt tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (sau đây gọi là cơ sở giáo dục) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 4 Điều 2 Quyết định này.

b) Cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Bình quân số học sinh/lớp: là một số được tính bằng tổng số học sinh theo cấp học của cơ sở giáo dục chia cho số lớp.

2. Quy định về chia vùng: được quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập (sau đây gọi là Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT).

3. Mức bình quân theo vùng: là số lượng học sinh/lớp theo vùng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT.

4. Trường hợp đặc biệt: là các trường hợp phải bố trí học sinh/lớp thấp hơn hoặc cao hơn so với mức bình quân theo vùng quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 3. Quy định định mức học sinh trên lớp khi áp dụng trường hợp đặc biệt

1. Điều kiện xác định trường hợp đặc biệt

a) Cơ sở giáo dục có bình quân sĩ số học sinh/lớp cao hơn bình quân sĩ số học sinh/lớp theo vùng từ 3 học sinh trở lên.

b) Cơ sở giáo dục có điểm trường lẻ hoặc có số lớp từ 11 đến 15 lớp, có bình quân sĩ số học sinh/lớp thấp hơn bình quân sĩ số học sinh/lớp theo vùng từ 1,5 học sinh trở lên.

c) Cơ sở giáo dục không có điểm trường lẻ, có trên 15 lớp, có bình quân sĩ số học sinh/lớp thấp hơn bình quân sĩ số học sinh/lớp theo vùng từ 3 học sinh trở lên.

d) Cơ sở giáo dục có quy mô dưới 11 lớp và bình quân sĩ số học sinh/lớp thấp hơn bình quân sĩ số học sinh/lớp theo vùng.

2. Quy định định mức số lượng học sinh/lớp trong trường hợp đặc biệt để tính định mức giáo viên

a) Cơ sở giáo dục đảm bảo điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Định mức số lượng học sinh/lớp để tính định mức giáo viên bằng 0,95 lần của bình quân sĩ số học sinh/lớp thực tế.

b) Cơ sở giáo dục đảm bảo điều kiện quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này: Định mức số lượng học sinh/lớp để tính định mức giáo viên bằng 1,05 lần của bình quân sĩ số học sinh/lớp thực tế.

c) Cơ sở giáo dục đảm bảo điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều này: Định mức số lượng học sinh/lớp để tính định mức giáo viên bằng bình quân sĩ số học sinh/lớp thực tế.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ sở giáo dục áp dụng định mức số lượng học sinh/lớp trong trường hợp đặc biệt quy định tại Điều 3 của Quyết định này làm căn cứ giao hoặc phê duyệt số lượng người làm việc. Tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định tại Quyết định này.

2. Sở Nội vụ

Trên cơ sở định mức quy định tại Quyết định này và các quy định khác có liên quan, chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã,

phường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh hằng năm đảm bảo đúng quy định.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, số lượng hợp đồng lao động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách, phối hợp tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên bảo đảm theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Chịu trách nhiệm về số lượng cơ sở giáo dục phổ thông công lập theo vùng, số lượng học sinh, số lớp của từng cấp học theo từng năm học trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Hằng năm, trên cơ sở số lớp học, quy mô học sinh, tổng hợp gửi Sở Nội vụ nhu cầu số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo phân cấp quản lý; đồng thời, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp quản lý.

c) Căn cứ quy định bố trí số lượng học sinh/lớp của Quyết định này, hằng năm tổng hợp, đề xuất chỉ tiêu kế hoạch phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn quản lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản, quy định được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ thì thực hiện theo các văn bản mới.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lạng Sơn;
- UBND các phường, xã;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh,
- các phòng CV, TTTT;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thanh Nhàn

- Luru: VT, KGVX.